

Bản án số: 182/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 11 – 2019

“V/v Ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Trung
Bà Bùi Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Y Lương Byă– Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 820/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kiều O – sinh năm 1977

Địa chỉ: Đường A, tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Trần Quang T – sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ hiện nay: Đội 6 K1 Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều O trình bày:* Tôi và ông Trần Quang T chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2010 tại Ủy ban nhân dân P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về mâu thuẫn vợ, chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung và vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay ông Trần Quang T đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Bản thân tôi nhận thấy không

còn tình cảm và không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông Trần Quang T. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Quang T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và ông T có 01 con chung là Trần Nhật M – Sinh ngày 10/10/2009. Nguyên vọng của tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 14/11/2019, bị đơn ông Trần Quang T trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị Kiều O – Sinh năm 1977, Nơi ĐKKHKT Đường A, P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có tự nguyện chung sống và đã có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T. Trước đây hai vợ chồng tôi chung sống rất hạnh phúc. Từ ngày tôi vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù đến nay thì vợ tôi có đơn xin ly hôn và ý kiến của tôi là chấp thuận theo đơn ly hôn của vợ tôi.

Về con chung: Tôi và bà Phạm Thị Kiều O có 01 con chung tên Trần Nhật M – Sinh ngày 10/10/2009. Hiện cháu M đang sống với mẹ. Tôi chấp nhận giao cháu M cho bà Phạm Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi đồng ý với ý kiến của vợ tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ tôi không yêu cầu nên tôi cũng không có ý kiến gì.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị Kiều O và ông Trần Quang T thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Hiện nay ông T đang chấp hành án tại trại giam Đ. Đối với việc bà Phạm Thị Kiều O làm đơn xin ly hôn ông Trần Quang T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Kiều O, cho bà O được ly hôn ông Trần Quang T.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhật M – sinh ngày 10/10/2009 cho bà Phạm Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Quang T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Quang T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trần Quang T.

[2]. Về nội dung:

Bà Phạm Thị Kiều O và ông Trần Quang T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện nay ông Trần Quang T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ. Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều O xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Phạm Thị Kiều O được ly hôn ông Trần Quang T. Quá trình làm việc, ông Trần Quang T cũng đồng ý ly hôn với bà O.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà Phạm Thị Kiều O và ông Trần Quang T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà O và ông T đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Nhật M – sinh ngày 10/10/2009 hiện nay cháu đang ở với bà O, bản thân bà O có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành, nguyện vọng của cháu M cũng xin được ở với mẹ. Phía bị đơn ông Trần Quang T cũng đồng ý giao cháu M cho bà O nuôi dưỡng. Do đó cần giao Trần Nhật M – Sinh ngày 10/10/2009 cho bà Phạm Thị Kiều O được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Phạm Thị Kiều O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2019/0004990 ngày 10/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Trần Quang T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Phạm Thị Kiều O và ông Trần Quang T.

- *Về con chung:* Giao con chung Trần Nhật M – sinh ngày 10/10/2009 cho bà Phạm Thị Kiều O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Phạm Thị Kiều O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004990 ngày 10/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Trần Quang T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND P. T, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang